TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1428/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 11 - 2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1243/2018/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu N - sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Mai Anh Đ - sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N trình bày:

Bà và ông Mai Anh Đ tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H năm 2009.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình bên vợ. Đến tháng 02 năm 2011vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ tình cảm với người khác và hiện tại ông Đ đang bị chấp hành án tại trại giam Đồng Sơn. Bà và ông Đ đã sống ly thân từ tháng 05/2013 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: có 02 trẻ tên Mai Thi A, sinh ngày 19/02/2010 và trẻ Mai Bảo A, sinh ngày 11/12/2012. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 trẻ Thi A, Bảo A và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 08/4/2019 bị đơn ông Mai Anh Đ trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Thu N tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H năm 2009.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình bên vợ. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách và lối sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: có 02 trẻ tên Mai Thi A, sinh ngày 19/02/2010 và trẻ Mai Bảo A, sinh ngày 11/12/2012. Ông đồng ý để cho bà N được trực tiếp nuôi 02 trẻ Thi A, Bảo A, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Do Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 285 quyển số 01/2009 ngày 19/10/2009 do UBND xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ, bà N khai sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có quan hệ tình cảm với người khác, vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn 05 năm, vợ chồng không còn tình cảm.

Ông Đ khai sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và lối sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Nay ông đồng ý ly hôn với bà N.

Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà N và ông Đ đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài và cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, bà N và ông Đ có 02 con chung tên Mai Thi A, sinh ngày 19/02/2010 và trẻ Mai Bảo A , sinh ngày 11/12/2012, hiện nay 02 trẻ Thi A, Bảo A đang sống với bà N nên bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ Thi A, Bảo A và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 21/10/2019 thì trẻ Thi A có nguyện vọng sống chung với bà N, hiện nay ông Đ đang chấp hành hình phạt tù giam, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, ông Đ đồng ý để cho bà N được trực tiếp nuôi 02 trẻ, ông không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy, yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của trẻ Thi A, phù hợp với tình hình thực tế, do đó có cơ sở chấp nhận, ghi nhận việc bà Ngân không yêu cầu ông Đức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thu N được ly hôn với ông Mai Anh Đ.

2. Về con chung: Giao 02 trẻ Mai Thi A, sinh ngày 19/02/2010 và trẻ Mai Bảo A, sinh ngày 11/12/2012 cho bà Bùi Thị Thu N trực tiếp nuôi, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông Mai Anh Đ cho đến khi có yêu cầu của bà N.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án sẽ giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Thu N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số 0004242 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng